

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 02 năm 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Hoàng Văn Tiến**

2. Bà: **Mai Thị T**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HN&GD ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị M**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Bản XTI, xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn T**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Bản XTII, xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 17, phân trại 1, Trại Giam Yên Hạ - Bộ Công an. Địa chỉ xã HH, huyện PY, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 25/12/2023, tại bản tự khai của chị M ngày 04/01/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (M) và anh Quàng Văn T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã BL, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nay là UBND xã BL huyện Mường Ảng vào ngày 28/12/2006. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không chịu sự ép buộc hay tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh Quàng Văn T về chung sống tại bản XT II, xã BL, huyện Mường Ảng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên chơi bời, mắc tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy không quan tâm đến

gia đình vợ con. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tôi và gia đình hai bên đã động viên anh T cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng không thành. Năm 2019 anh T bị bắt và đang chấp hành án tại: Đội 17, phân trại 1, Trại Giam Yên Hạ - Bộ Công an. Địa chỉ xã HH, huyện PY, tỉnh Sơn La. Nay tôi thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Quảng Văn T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quảng Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh T có 01 người con chung là cháu Quảng Chung T1, sinh ngày 20/11/2006. Hiện nay cháu T1 học xong lớp 11 T THPT BL, huyện Mường Ảng. Khi được nghỉ hè vào tháng 5/2023 thì trốn gia đình đi làm ăn xa không về nhà. Thỉnh thoảng cháu có nhắn tin là đi làm công nhân lương 6.500.000đồng. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Tôi và anh Quảng Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quảng Văn T; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn:** Theo nội dung Bản tự khai và giấy ý kiến của anh Quảng Văn T ngày 09/01/2024 anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh (T) và chị Lương Thị M đã đăng ký kết hôn từ năm 2005 tại UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Đến khoảng năm 2008 chúng tôi không sống với nhau nữa do không phù hợp quan điểm sống, chúng tôi ly thân từ đó. Nay chị M có đơn ly hôn tôi đồng ý ly hôn với chị Lương Thị M.

Về con chung: Anh Quảng Văn T và chị Lương Thị M có 01 người con chung là cháu Quảng Chung T1, sinh ngày 20/11/2006.

Về tài sản chung, tài sản riêng; Về nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

Ngày 09/01/2024 anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn anh vẫn giữ nguyên như bản tự khai và giấy ý kiến ngày 09/01/2004.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lương Thị M và anh Quảng Văn T tại bản XT I, xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Xác minh điều kiện kinh tế của chị Lương Thị M tại bản XT I, xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Xác minh của chính quyền địa phương về trí lực và thể lực của cháu Quảng Chung T1 khi sống ở địa phương.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố Chị Lường Thị M được ly hôn anh Quàng Văn T.

Con chung: Chị Lường Thị M và anh Quàng Văn T có 01 người con chung: Cháu Quàng Chung T1, sinh ngày 20/11/2006. Giao cháu cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về:** Không có.

- **Án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 29/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và đã có Công văn nhờ trại giam Yên Hạ tổng đạt và anh Quàng Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Bị đơn – Anh Quàng Văn T đã viết giấy ý kiến và bản tự khai đồng ý ly hôn với chị M.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Ngày 15/01/2024 chị M có đơn đề nghị không hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Anh T nhận được

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T cũng viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lương Thị M có mặt, bị đơn là anh Quảng Văn T vắng mặt có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng bị đơn anh Quảng Văn T.

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 25/12/2023, tại bản tự khai của chị M ngày 04/01/2024; Lời trình bày của chị M tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị Lương Thị M và anh Quảng Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 28/12/2006 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị và anh Quảng Văn T về chung sống tại bản XT II, xã BL, huyện Mường Ảng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên chơi bời, mắc tệ nạn xã hội nghiện chất ma túy không quan tâm đến gia đình vợ con. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị và gia đình hai bên đã động viên anh T cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng không thành. Năm 2019 anh T bị bắt và đang chấp hành án tại: Đội 17, phân trại 1, Trại Giam Yên Hạ - Bộ Công an. Địa chỉ xã HH, huyện PY, tỉnh Sơn La. Là người vợ, người mẹ khi chồng bị kết án và phải đi chấp hành án tại Trại giam, chị M gặp phải muôn vàn khó khăn, tự mình chăm sóc con. Nguyên nhân cũng do anh T vi phạm pháp luật và bị kết án, quá trình chung sống chị cũng đã khuyên can, nhưng anh T không nghe do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh T đã vi phạm pháp luật. Anh T trình bày kết hôn từ năm 2005 tại UBND xã BL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Đến khoảng năm 2008 chúng tôi không sống với nhau nữa do không phù hợp quan điểm sống, chúng tôi ly thân từ đó, nên chị M xin ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy tình cảm của chị M, anh T đối với nhau không còn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị M. Tuyên xử cho chị Lương Thị M được ly hôn với anh Quảng Văn T.

* **Về con chung:** Chị Lương Thị M và anh Quảng Văn T có 01 người con chung là cháu Quảng Chung T1, sinh ngày 20/11/2006 .

Nguyện vọng của Chị M sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T1 sống cùng mẹ từ khi vợ chồng chị M, anh T sống ly thân, hiện nay cháu đã học xong lớp 11 và đi làm có khả năng lao động, anh T hiện đang đi chấp hành án nên để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu, phù hợp với nguyện vọng của chị M cần tiếp tục giao cháu cho chị M trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lương Thị M Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Tài sản chung; Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị M và anh T không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị M: Chị Lương Thị M được ly hôn anh Quàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Chung T1, sinh ngày 20/11/2006 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Chị M đã nộp đủ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000758 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lường Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã BL, h. Mường Ảng
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân